

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 5 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân.

Ông Lê Đức Lập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 820/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1998; cư trú tại tổ 15, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Vương Minh P, sinh năm: 1996; cư trú tại tổ 5, ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2019 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị và anh P chung sống năm 2015, có tổ chức lễ cưới, đến ngày 01/11/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Cơ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vào thời gian đầu hạnh phúc, đến khi chị sinh con đầu thì phát sinh mâu thuẫn do anh P uống rượu, đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà, chị từng báo Công an nhiều lần. Đến tháng 12/2018, chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, nhưng do anh P năn nỉ về ở lại và có đứa con thứ hai nên chị không đến Tòa án, Tòa án ra Quyết định đình chỉ vào tháng 5/2019. Từ lúc chị mang thai và sinh con thứ hai thì anh P không quan tâm và lo lắng cho chị, không cung cấp tiền để chị nuôi con. Đến tháng 6/2019, vợ chồng chính thức ly thân. Từ khi chị nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay, anh P có gọi điện cho chị năn nỉ chị về ở nhưng không đến Tòa án. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vương Minh P.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo A2, sinh ngày 09/9/2015 và Vương Nguyễn An N, sinh ngày 21/10/2019. Hai con chung đang sống với chị. Đối với con chung Nguyễn Bảo A2: Chị và anh P có con khi chưa đủ tuổi nên chưa thể đăng ký kết hôn do đó giấy khai sinh không có để tên cha là anh Vương Minh P. Chị yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ điều kiện nuôi hai con. Chị đang làm công nhân ở xí nghiệp Bando, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng. Nếu Tòa án không chấp nhận Nguyễn Bảo A2 là con chung thì chị vẫn chấp nhận nuôi dưỡng, việc nhận cha cho con chị sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Không có.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Vương Minh P đến để giải quyết vụ án nhưng anh Vương Minh P đều vắng mặt không rõ lý do cũng như không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, cho chị T và anh P được ly hôn; về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Bảo A2, sinh ngày 09/9/2015 và Vương Nguyễn An N, sinh ngày 21/10/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; ghi nhận chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn; nợ chung: Chị T trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P, cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, giải quyết tranh chấp về nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh P là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã An Cơ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P hợp pháp.

[3.1] Qua lời trình bày của chị T thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn do anh P uống rượu, đánh chị T nên năm 2018, chị T nộp đơn ly hôn với anh P, sau đó chị T và anh P tiếp tục về sống chung với nhau nhưng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn do anh P không quan tâm và lo lắng cho vợ, không cung cấp tiền để nuôi con. Lời khai của chị T phù hợp với việc xác

minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T, anh P tại Công an viên phụ trách ấp An Lộc (bút lục 27), bà Trần Thị S là mẹ ruột anh P (bút lục 26, 41).

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần nhưng anh P vắng mặt, không rõ lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải để chị T, anh P có cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T và anh P ly hôn.

[4] Về nuôi con chung: Chị T trình bày chị T và anh P có 02 con chung là Nguyễn Bảo A2, sinh ngày 09/9/2015 và Vương Nguyễn An N, sinh ngày 21/10/2019. Cháu Nguyễn Bảo A2 sinh ngày 09/9/2015, là thời điểm trước khi chị T và anh P kết hôn, không trong thời kỳ hôn nhân của chị T và anh P, trong giấy khai sinh của cháu An không có tên cha, trong hồ sơ không có ý kiến của anh P thừa nhận cháu An là con chung mặc dù có bà S là mẹ ruột anh P xác nhận nên cháu An không đương nhiên là con chung của chị T và anh P theo khoản 13 Điều 1, khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu An, nếu chị T, anh P có yêu cầu xác định cha cho con sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Do đó, chị T và anh P chỉ có một con chung là Vương Nguyễn An N. Chị T có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con vì chị T có đủ điều kiện nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Nhiên dưới 36 tháng tuổi, chị T có nghề nghiệp với thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Nhiên nên giao con chung là Vương Nguyễn An N, sinh ngày 21/10/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn, anh P không có ý kiến nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Vương Minh P.

Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Vương Minh P.

2. Về nuôi con chung:

Giao một con chung là Vương Nguyễn An N, sinh ngày 21/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu anh Vương Minh P cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, anh Vương Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006614 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ngân

Lê Đức Lập

Lâm Thị Thanh Hằng

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng